TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 02 - 2019.
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Mười.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trịnh Ngọc Hồng.**
2. Ông **Trần Văn Hưng.**
Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2019, về việc: "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1988.
Địa chỉ: xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979.
Địa chỉ: xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
Anh Ph có mặt tại phiên tòa, chị Y vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2019, bản tự khai, biên bản phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn Ph trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Ngọc Y tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT vào ngày 29/01/2013. Thời gian đầu anh, chị sống với nhau hạnh phúc, sau đó đến tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả, dẫn đến không hạnh phúc và anh, chị đã ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Khoảng tháng 6/2018 thì anh, chị có nộp đơn thuận tình ly hôn nhưng sau đó anh, chị rút đơn lại để đoàn tụ gia đình, lo chăm sóc con chung nhưng sau khi rút đơn về cho đến nay anh, chị vẫn không đoàn tụ gia đình được. Nay anh Ph xác định không còn tình cảm với chị Y nữa và kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Khải Nguyên, sinh ngày 30/3/2016 . Sau khi ly hôn thì anh Ph có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyên, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ph khai không có.

**/ Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 22/01/2019; cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y có lời trình bày:*

Qua lời trình bày của anh Ph về thời gian sống chung, điều kiện kết hôn, nguyên nhân ly hôn,về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay anh Phúc xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Khải Nguyên, sinh ngày 30/3/2016, chị đồng ý để con cho anh Ph nuôi và không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn Ph có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Y, hiện tại chị Ý có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số: 112C, ấp 2B, xã NT, thành phố BT, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc Y có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc Y là phù hợp theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 29/01/2013 anh Ph và chị Y được Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Ngọc Y nên quan hệ hôn nhân giữa anh Ph và chị Y là hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc và anh chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn với chị Y nữa nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Ph và chị Y đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh Ph yêu cầu được ly hôn với chị Y và cũng phù hợp với ý kiến của chị Y tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là đồng ý ly hôn với anh Ph. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Ngọc Y là phù hợp theo qui định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Ngọc Y khai có 01 con tên Trần Khải Nguyên, sinh ngày 30/3/2016. Tại phiên tòa, anh Ph có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyên và chị Y cũng đồng ý để cháu Nguyên cho anh Ph nuôi. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con của anh Ph và chị Y; anh Ph là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc anh Trần Văn Ph không yêu cầu chị Ý cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Ngọc Y khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết,

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì anh Trần Văn Ph phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, đểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55 , 56, 57, 58, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Ngọc Y.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con cho anh Trần Văn Ph là người trực tiếp nuôi con chung tên Trần Khải Nguyên, sinh ngày 30/3/2016. Ghi nhận việc anh Ph không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Y được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết hai bên đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Ngọc Y khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Anh Trần Văn Ph phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn)đồng nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000893 ngày 05/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Như vậy, anh Ph đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Anh Trần Văn Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án; riêng chị Nguyễn Thị Ngọc Y cũng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***/Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHS);
- VKSND Tp- Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- UBND xã Nhơn Thạnh, Tp Bến Tre, t Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu HS vụ án + Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Mười